TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI D**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/7/2023
" Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI D
Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hà Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Duy Tuấn và ông Triệu Ngọc Vạn.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Hải Loan

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Ninh Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải D, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2023/TLST - HNGĐ ngày 13/3/2023, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 23/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1985. Trú tại: Thôn Vĩnh Xuyên, xã Vĩnh Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải D - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Lê Thế D**, sinh năm 1984. Trú tại: Thôn Mai, xã H1 Lực, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải D – Chỗ ở hiện tại: Không rõ địa chỉ -Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Chị và anh Lê Thế D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/9/2004 tại UBND xã H1 Lực, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải D. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh D không chung thủy vợ chồng, năm 2017 chị đi lao động tại Đài Loan, đến tháng 8/2022 chị về nước và sống tại nhà bố mẹ đẻ, không chung sống với anh D, vợ chồng ly thân cho đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh D. Về con chung: Chị và anh D có hai con tên là Lê Thị Thu H, sinh ngày 01/9/2005 và Lê Thế H1, sinh ngày 09/10/2008, hiện nay con đang do anh D và ông bà nội trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của con để xem xét giao cho bố hoặc mẹ trực tiếp nuôi

dưỡng, nếu chị được nuôi con thì chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng, nếu anh D nuôi con thì chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/con/tháng, cả hai con là 3.000.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành. Về tài sản, vay nợ: Chị không yêu cầu giải quyết.

Do anh D vắng mặt nên tòa án không làm việc được. Theo ông Lê Tất Đ (bố đẻ anh D) cung cấp và trình bày thống nhất như lời khai của chị Đ về thời gian, địa điểm kết hôn, lý do mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân và về con chung của anh D, chị Đ. Do anh D đi làm thợ xây tự do tại tỉnh Sơn La không có địa chỉ cụ thể, thỉnh thoảng mới về thăm nhà, sau khi gia đình ông nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án và tài liệu khởi kiện của chị Đ do Tòa án gửi thì đã thông báo cho anh D biết, quan điểm của anh D mong muốn chị Đ về chung sống nuôi con, nếu chị Đ không chấp nhận thì tùy chị Đ giải quyết như thế nào cũng được, anh mặc kệ. Về phía gia đình ông cũng đã nhiều lần phân tích, hòa giải nhưng chị Đ không đồng ý chung sống với anh D. Hai con chung của anh D, chị Đ ở cùng gia đình ông từ bé, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của con để xem xét giao cho bố hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, nếu anh D nuôi con thì đề nghị chị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng, ông có trách nhiệm giúp đỡ vợ chồng nuôi con.

Đại diện VKSND huyện Ninh Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng, đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Đ ly hôn anh Lê Thế D.Về con chung: Xử giao cho anh Lê Thế D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con Lê Thị Thu H, sinh ngày 01/9/2005 và Lê Thế H1, sinh ngày 09/10/2008 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Đ cấp dưỡng nuôi con cho anh Lê Thế D 1.500.000đ/con/tháng, cả hai con là 3.000.000đ/tháng. Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX xét xử vắng

mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Lê Thế D có đăng ký kết hôn ngày 17/9/2004 tại UBND xã H1 Lực, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải D, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, ly thân đã lâu nhưng không có biện pháp hòa giải đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần xử cho chị Nguyễn Thị Đ ly hôn với anh Lê Thế D là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đ, anh D có 02 con chung là Lê Thị Thu H, sinh ngày 01/9/2005 và Lê Thế H1, sinh ngày 09/10/2008. Xét thấy con Lê Thế H1 đi làm tự do cùng anh D nên Tòa án không lấy lời khai được; con Lê Thị Thu H đến tháng 09/2023 đủ tuổi thành niên và có mong muốn được tiếp tục ở cùng bố, đối với anh D hiện nay đi làm tự do nhưng được gia đình giúp đỡ nên có đủ điều kiện để nuôi con. Để ổn định chỗ ở, học tập và nguyện vọng của con, HĐXX giao cho anh D được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con, chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ cấp dưỡng cho anh D nuôi con 1.500.000đ/con/tháng, cả hai con là 3.000.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, HĐXX không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Đ ly hôn anh Lê Thế D.

2. Về con chung: Xử giao cho anh Lê Thế D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con Lê Thị Thu H, sinh ngày 01/9/2005 và Lê Thế H1, sinh ngày 09/10/2008 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Đ cấp dưỡng nuôi con cho anh Lê Thế D 1.500.000đ/con/tháng, cả hai con là 3.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi con trưởng thành, chị Nguyễn Thị Đ có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh Lê Thế D có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu chị Nguyễn Thị Đ chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Đ đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số AA/2020/0000318 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải D, chị Nguyễn Thị Đ còn phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Lê Thế D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- Đương sự;
- UBND xã H1 Lực;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Hà Xuân Trường